

FILE CHƯA SỬA XONG

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGD

Ngày: 27-4-2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn;Hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất;
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất; Bồi thường thiệt hại về tài sản
và Đòi tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông: Nguyễn Đức Minh

Ông: Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà: Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLPT-HNGD ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Xin ly hôn, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bồi thường thiệt hại về tài sản; Đòi tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:3679/2020/QĐ-PT – HNGD ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Phùng Thiện T, sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 100, đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T – Văn phòng Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T- Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Phương L, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: 81 đường P, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Phạm Thị Quỳnh N – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Luật sư Võ Trọng K - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Phùng Mỹ H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Phạm Ngọc D, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Địa chỉ: 048C ấp 5, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Số 11, đường Lê Lợi, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Đức T - Giám đốc chi nhánh VPĐKKĐĐ thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

3. Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: số 202, đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Bạch Văn H – Trưởng Văn phòng Công chứng C. Vắng mặt.

4. Lê Thị Tr, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: số 546A đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Phùng Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: số 546A, đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Phùng Quang M, sinh năm 2001

7. Phùng Minh M2, sinh năm 2004

8. Phùng Quang M1, sinh năm 2008

Cùng địa chỉ: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của cháu M, M2, M1 là Phùng Thiện T và Nguyễn Phương L. Có mặt

9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N

Trụ sở: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Phương L, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

10. Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1950. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: số 46/4 đường P, phường 7, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Phùng Thiện T trình bày:**

Ông và bà L tổ chức lễ cưới năm 2000. Đến năm 2002 thì tự nguyện đăng ký kết hôn được chứng nhận kết hôn số 116/1 ngày 23/8/2002 do UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất hòa. Từ năm 2013, do ông bị bệnh nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn. Mặc dù đã nhiều lần cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phùng Quang M, sinh ngày 21/09/2001 đến nay đã trưởng thành; Phùng Minh M2, sinh ngày 10/3/2004 và Phùng Quang M1, sinh ngày 11/6/2008. Ông đồng ý để các con sống với bà L, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M2, cháu M1 là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Nếu các con có nguyện vọng sống chung với ông thì ông đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Lan cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 10/4/2018 ông T có văn bản trình bày: Đồng ý giao con chung cho bà L nuôi, yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Không đồng ý yêu cầu độc lập và yêu cầu phản tố của bà L.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Đồng thời, tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quang M đã trưởng thành mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời gian hai năm kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Không đồng ý với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà L. Đồng ý với yêu cầu độc lập của bà H. Ông T thống nhất với sơ đồ đo đạc thẩm định và chứng thư định giá tài sản ngày 12/10/2017. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Nguyễn Phương L, theo đơn yêu cầu, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà L trình bày:**

Về thời gian đăng ký kết hôn và về con chung như ông T trình bày là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính là do từ khi biết được mẹ chồng bà bị bệnh nan y và chồng bà bị bệnh tinh thần không ổn định nên bà Phùng Mỹ H và ông Phùng Thanh T (là chị và em ruột của chồng bà, đang định cư tại Canada) xúi giục ông T ly hôn đi xuất cảnh, mục đích nhằm chiếm đoạt toàn bộ gia sản. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà L đồng ý.

- Về con chung: Ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu các con ở với bà thì yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi

03 con chung 01 lần đến 18 tuổi mỗi cháu 06 triệu đồng/tháng tính từ khi ông T nộp đơn ly hôn.

- Nợ chung: Không có

- Về tài sản chung:

Ngày 04/10/2016 bà L có đơn phản tố, bà cho rằng bà Phùng Thị Mỹ H thuyết phục bà Trường làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ hộ Lê Thị Tr sang Phùng Mỹ H. Việc tặng cho này bà không hề biết, trên đất có tài sản là nhà xưởng hơn 500m² của Doanh nghiệp tư nhân N do bà làm chủ đã được xây dựng từ năm 2002. Ngoài ra, bà còn bỏ tiền ra để san lấp, tôn tạo phần đất nêu trên từ đất vườn thành đất thổ cư có giá trị như hiện nay. Việc bà Tr tặng cho đất cho bà H không thông qua bà là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Ngoài ra, do bà H là Việt Kiều có quốc tịch Canada thường xuyên sinh sống tại Canada nên việc cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận cho bà là không đúng qui định. Bà Lan yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/7/2015 giữa bà Lê Thị Tr và Phùng Mỹ H tại Văn phòng công chứng C.

+ Yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00140 thửa số 245 tờ bản đồ số 18 diện tích 3.764,9m² cấp cho Phùng Thị Mỹ H, trong đó đất ở 190,5m² đất trồng cây lâu năm là 3.574m², tọa lạc tại số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Ngày 21/12/2017 bà L có đơn phản tố bổ sung và tại biên bản hòa giải ngày 14/12/2006 bà L trình bày: Hiện nay bà chỉ di chuyển xe ra ngoài để hoạt động kinh doanh. Những hiện trạng vẫn giữ nguyên, nếu hiện trạng có thay đổi gì so với biên bản định giá ban đầu là do ông T và bà Tr thay đổi. Căn nhà hiện bà Tr đang ở là của bà Tr nhưng bà L đã đầu tư. Bà L yêu cầu:

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông T với bà Tr ngày 03/9/2016 với lý do đang trong thời gian ly hôn đối với thửa 224 tờ bản đồ số 18 diện tích 479,2m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Tr (ghi tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đứng tên)

- Do bà có công sức đóng góp vào việc tôn tạo và giữ gìn làm tăng giá trị nhà đất và nên yêu cầu được chia nhận bằng hiện vật phần đất diện tích 479,2m² (thửa 224) để cho các con của bà và ông T ở sinh sống sau này.

- Bà L yêu cầu bà Tr và ông T hoàn trả giá trị 500.000.000 đồng bà đã bỏ ra nâng cấp nhà và nhà hiện bà Tr và ông T đang sinh sống, cụ thể: Năm 2005 bà bỏ ra 180.000.000 đồng để nâng nền, lợp mái, duy tu toàn bộ. Năm 2010 bà bỏ ra 270.000.000 đồng để xây dựng thêm phòng kính phía sau, lắp máy lạnh, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Năm 2013 bà bỏ ra khoảng 50.000.000 đồng để sơn phết, chống dột)

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Đối với số tiền bà L cho rằng năm 2014 ông T có chuyển một khoản tiền cho bà Tr nhưng không rõ bao nhiêu và ông T còn giữ một xe 7 chỗ hiệu Pizaro của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N biển số 63L – 008.06, cùng một số vật dụng sinh hoạt

trong gia đình. Bà L sẽ thương lượng, nếu tranh chấp bà L sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà L thống nhất với sơ đồ đo đạc thẩm định và chứng thư định giá tài sản ngày 12/10/2017. Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

1. Ông Phạm Ngọc D đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Bà H là người sở hữu, sử dụng hợp pháp căn nhà có diện tích xây dựng 175,3m² diện tích sàn 204,5m² gắn liền diện tích đất 3.764,9 m² thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại số 100 đường L, khu phố 9, phường 5, thành phố M, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ số: CS 00140 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 26/01/2016.

Từ năm 2002, bà H và bà Tr (mẹ bà H) có cho vợ chồng ông Phùng Thiện T và bà Nguyễn Phương L ở nhờ trong căn nhà, trên diện tích đất trên. Đồng thời, Nguyễn Phương L là chủ Doanh nghiệp tư nhân N có trụ sở chính đặt tại địa chỉ nhà của bà H, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 14/6/2014. Vợ chồng ông bà Phùng Thiện T và Nguyễn Phương L ly hôn, nên bà không đồng ý cho vợ chồng ông T và bà L được tiếp tục ở trong nhà và đất của bà. Nay bà H yêu cầu:

Buộc vợ chồng ông Phùng Thiện T và bà Nguyễn Phương L phải rời khỏi và di chuyển tài sản của Doanh nghiệp tư nhân N như: xe ô tô ben, bảng hiệu, bàn ghế...ra khỏi căn nhà có diện tích xây dựng 175,3m², diện tích sàn 204,5m² gắn liền diện tích đất 3.764,9² thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại số 100 đường L, phường 5, thành phố M để trả lại nhà, đất. Bà H đồng ý cho ông T, bà L được lưu cư lại căn nhà của bà trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L thừa nhận đã di dời ô tô ben, bảng hiệu, bàn ghế...ra khỏi căn nhà và đất bà H đứng tên. Do đó, bà H chỉ yêu cầu trả lại nhà và đất cho bà H. Bà H không đồng ý theo yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà L. Bà H thống nhất với sơ đồ đo đạc thẩm định và chứng thư định giá tài sản ngày 12/10/2017. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Phương L trình bày:

Theo đơn khởi kiện bà Phùng Mỹ H yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân N (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn N) phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi phần đất của bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 245. Do thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trư với bà H đến thời điểm bà H được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2016 thì trên đất đã có nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N tồn tại từ năm 2007 đến nay mà không có ý kiến của người đại diện của Công ty là trái pháp luật. Ngoài những tài sản là phương tiện cơ giới như máy ủi, máy đào, xe ben..., Công ty Trách nhiệm hữu hạn N còn xây dựng nhà

xưởng với diện tích hơn 500m² (21 m x 24m) tọa lạc trên phần đất thuộc thửa 17 thời điểm xây dựng xưởng được sự đồng ý của bà Tr. Việc bà H yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản của Trách nhiệm hữu hạn N và không đồng ý hỗ trợ di dời gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Chị L đại diện Công ty yêu cầu giải quyết: Buộc bà Tr và bà H phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường chi phí và thiệt hại về việc ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà H, cụ thể: Tiền san lấp mặt bằng: 509.000.000 đồng, tiền xây dựng nhà xưởng: 517.000.000 đồng, chi phí di dời 100.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.126.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định xây nhà xưởng số tiền 517.000.000 đồng (theo Chứng thư định giá ngày 12/10/2017 nhà xưởng có giá là 502.224.300 đồng) là tài sản chung của bà và ông T. Bà L yêu cầu được chia bằng hiện vật và hoàn cho ông T ½ giá trị, nếu ông T nhận hiện vật thì hoàn cho bà giá trị. Bà L thống nhất với sơ đồ đo đạc thẩm định và chứng thư định giá tài sản ngày 12/10/2017. Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N không yêu cầu gì khác.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Minh T đại diện ủy quyền của bà Tr trình bày:

Bà Lê Thị Tr không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phùng Thiện T với bà vào ngày 03/3/2016 đối với thửa 244, tờ bản đồ 18, diện tích 479,2m². Vì diện tích thửa đất này là tài sản riêng của ông T, trước đây được bà Lê Thị Tr tặng cho riêng, không phải là tài sản chung vợ chồng của ông T với bà L. Nên ông T tặng cho lại bà diện tích đất trên là đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

Đối với phần đất vườn là đất bà Tr đứng tên, bà L yêu cầu được chia 500m² đất, bà Tr không đồng ý. Vì khi ông T, bà L kết hôn với nhau, bà Tr cho vợ chồng ông T, bà L ở nhờ trên đất này. Ông T và bà L không có bỏ công sức, tiền của để bồi đắp hay tôn tạo và giữ gìn làm tăng giá trị của phần đất này.

Bà Tr không đồng ý hoàn trả số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng như yêu cầu của bà L. Bởi vì bà L và ông T không bỏ tiền để sửa chữa, nâng cấp nhà của bà như bà L trình bày.

Bà Tr không đồng ý liên đới bồi thường số tiền tổng cộng là 1.126.000.000 đồng theo như yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Vì Công ty Trách nhiệm hữu hạn N không có bỏ tiền để san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng như phía bà L trình bày. Những tài sản, vật kiến trúc trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Tr và bà H, do bà Tr và bà H bỏ tiền ra xây dựng. Khi tặng cho đất cho bà H thì bà có tặng cho luôn phần nhà xưởng gắn liền diện tích đất có kết cấu khung sắt, mái tole diện tích xây dựng khoảng 500m².

- Vẫn giữ yêu cầu vợ chồng ông T và bà L di dời tài sản ra khỏi căn nhà và đất tại số 100 đường L và tháo dỡ di dời tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H ra khỏi đất của bà H, không hỗ trợ chi phí di dời.

Bà Tr thống nhất với sơ đồ đo đạc thẩm định và chứng thư định giá tài sản ngày 12/10/2017. Ngoài ra, bà Tr không yêu cầu gì khác.

2. Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang – Đại diện là ông Lương Đức T xin vắng mặt nhưng theo Công văn số 4160/STNMT-TTr ngày 18/10/2016 và tại các biên bản hòa giải trình bày:

Bà Lê Thị Tr được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 15763 ngày 28/8/2004 diện tích đất ở là 190,47m², tổng diện tích sử dụng 204,53m², diện tích xây dựng là 175,33m² và được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 03156 ngày 14/7/2006 thửa số 17 tờ bản đồ số 18 diện tích 4671,85m², mục đích sử dụng đất: đất vườn.

Ngày 07/7/2015 bà Tr xin đo đạc tách phần đất nêu trên thành 4 thửa và thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng C công chứng tại số 2401, 2401, 2403 như sau:

+ Thửa 243 diện tích 426,4m² đất trồng cây lâu năm, tặng cho Phùng Thanh T.

+Thửa số 244 diện tích 479,2m² đất trồng cây lâu năm, tặng cho Phùng Thiện T.

+Thửa số 245 diện tích 3.764,9m², trong đó 190,5m² đất ở đô thị và 3.574,4m² đất trồng cây lâu năm, tặng cho Phùng Mỹ H.

+ Thửa số 242 diện tích 191,82m² đất trồng cây lâu năm, là phần còn lại của bà Tr.

Trong hợp đồng được công chứng số 2403 thể hiện bà Phùng Mỹ H có chứng minh nhân dân số 310639733, quốc tịch Việt Nam, địa chỉ thường trú: Số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đối với phần nhà xưởng trên 500 m², do chủ sở hữu chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, nên trên giấy chứng nhận của bà Tr không thể hiện phần diện tích nhà xưởng nêu trên. Do đó, việc bà H nhận tặng cho các thửa đất và nhà ở như trên là phù hợp.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận cho bà H thực hiện là đúng theo quy định của Luật Đất đai.

3. Phòng Công chứng C đại diện là ông Bạch Văn H xin vắng mặt nhưng có văn bản ngày 06/7/2017 trình bày:

Căn cứ theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2403, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HDDGD1 do Công chứng viên Văn phòng công chứng C tỉnh Tiền Giang công chứng ngày 07/7/2015. Văn phòng công chứng C tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên đúng theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định (Căn cứ theo quy định tại Điều 40, 41 của Luật Công chứng năm 2014).

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phùng Thanh T cùng đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà Lê Thị Tr

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu M, cháu M2, cháu M1 có đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Phương L.

Thông nhất với ý kiến của ông T để các cháu sống với bà L.

6. Bà Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Bà C là người thuê đất một phần đất của bà H để sử dụng bán quán ăn, thời hạn thuê đến tháng 5/2020. Nếu Tòa án buộc trả đất thì bà trả lại, bà C sẽ thỏa thuận với bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Thiện T

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Thiện T với bà Nguyễn Phương L.

- Về con chung: Ghi nhận tiếp tục giao cho bà L nuôi con chung Phùng Minh M2, sinh ngày 10/3/2004 và Phùng Quang M, sinh ngày 11/6/2008.

Cháu Phùng Quang M, sinh ngày 21/09/2001 đã trưởng thành hiện sống với bà L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Phùng Minh M2, sinh ngày 10/3/2004 và Phùng Quang M, sinh ngày 11/6/2008 mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Phùng Quang M, sinh ngày 21/09/2001 mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời gian 02 năm.

Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Phương L về việc yêu chia tài sản chung.

Chia cho ông Phùng Thiện T nhà xưởng (kết cấu cột thép, kèo thép, sắt hộp, ...) thể hiện ký hiệu: T-3 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 198,9m², T-8 (cột thép, kèo thép, sắt hộp), T-9 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 14,7m², T-10 (cột thép, kèo thép, sắt hộp) diện tích 70,3m², T-14 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 47,0m², T-15 (cột thép, kèo thép, sắt hộp) diện tích 81,2m², T-17 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 28,7m², T-18 (cột thép, kèo thép, sắt hộp), theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12/10/2017 của Công ty Thẩm định giá Sài Gòn.

Ông Phùng Thiện T có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà xưởng cho bà Nguyễn Phương L số tiền là 251.102.150 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Phương L về việc yêu cầu:

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 17/7/2015 giữa bà Lê Thị T và Phùng Mỹ H tại Văn phòng công chứng C và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00140 thửa số 245 tờ bản đồ số 18 diện tích 3.764,9m² cấp cho Phùng Mỹ H, trong đó đất ở 190,5m² đất trồng cây lâu năm là 3.574m², tọa lạc tại số 100 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

- Hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Phùng Thiện T với bà Lê Thị T ngày 03/9/2016 đối với thửa 224 tờ bản đồ số 18 diện tích 479,2m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T (ghi tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đứng tên);

- Chia công sức đóng góp vào việc tôn tạo và giữ gìn làm tăng giá trị nhà đất, yêu được nhận bằng hiện vật phần đất diện tích 479,2m² (thửa 224) để cho các con của bà và ông T ở sinh sống;

- Yêu cầu bà T và ông T hoàn trả chi phí sửa chữa nhà của bà T số tiền 500.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N do bà Nguyễn Phương L làm đại diện về việc bồi hoàn công san lấp số tiền 509.000.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phùng Mỹ H

Buộc bà Nguyễn Phương L, ông Phùng Thiện T phải có nghĩa vụ liên đới di dời nhà xưởng (kết cấu cột thép, kèo thép, sắt hộp, ...) thể hiện ký hiệu: T-3 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 198,9m², T-8 (cột thép, kèo thép, sắt hộp), T-9 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 14,7m², T-10 (cột thép, kèo thép, sắt hộp) diện tích 70,3m², T-14 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 47,0m², T-15 (cột thép, kèo thép, sắt hộp) diện tích 81,2m², T-17 (cột gỗ, kèo + đòn tay gỗ, mái tole, nền xi măng) diện tích 28,7m², T-18 (cột thép, kèo thép, sắt hộp) theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12/10/2017 của Công ty Thẩm định giá Sài Gòn, để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Phùng Mỹ H. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ-BPKCTT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/12/2019, bị đơn kháng cáo yêu cầu được chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Phương L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và

bà H, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T với bà T do ông T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho các con vì án sơ thẩm tuyên giao con cho bà Lan nuôi nhưng cũng buộc bà L phải ra khỏi nhà nên mẹ con bà không có nơi cư trú; yêu cầu ông bồi hoàn phần san lấp để xây nhà xưởng. Bà L trình bày trước khi xét xử sơ thẩm bà T đã đi nước ngoài và chết vào tháng 3 năm 2019 nên việc ủy quyền tham gia tố tụng là không hợp lệ. Đối với bà Phùng Mỹ H là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tại thời điểm bà T ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên không thuộc trường hợp được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các yêu cầu phản tố của bà Lan chưa được cấp sơ thẩm xác minh rõ nhưng vẫn bác yêu cầu của bà là chưa khách quan.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L cho rằng án sơ thẩm không xác định, thẩm định các công trình xây dựng trên đất và phần bà L tu bổ nhà ở nên không giải quyết công sức tôn tạo của bà L, đồng thời cũng không xem xét đến giá trị san lấp mặt bằng nhà xưởng phần liên quan đến thửa đất bà T tặng cho bà H là thiếu sót. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm chúng tôi đều yêu cầu được đối chất với bà T nhưng phía nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà T đều né tránh để che dấu thông tin về tình trạng của bà T, trong khi thông tin chúng tôi nắm được là bà T đã mất từ tháng 3 năm 2019, trước thời điểm xét xử sơ thẩm nên cần xem xét lại về trường hợp người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T. Ngoài ra, án sơ thẩm không xem xét đến công sức của bà L trong quá trình kinh doanh để chăm lo cho gia đình và buộc bà cùng các con rời khỏi nhà mà không có nơi ở khác là chưa xem xét đến quyền lợi thực tế của mẹ con bà L. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H chưa được làm rõ về quá trình sử dụng đất để xác định nhà xưởng trên đất do ai xây dựng và sử dụng tại thời điểm bà trưởng ký hợp đồng tặng cho đất. Đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo yêu cầu của pháp luật.

Kiểm sát viên khẳng định cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về tố tụng, kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định. Về nội dung kháng cáo: như bà L trình bày tất cả nguồn gốc đất tranh chấp đều là của nhà chồng. Viện kiểm sát nhận thấy án sơ thẩm đã nhận định tất cả tài sản thuộc về bà T nên việc tặng cho là quyền của bà T, không cần xét đến ý kiến của bà L. Vấn đề công sức của bà L như Luật sư trình bày là không có cơ sở. Về phần yêu cầu phản tố của bà L, Tòa sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả định giá để chia giá trị xây dựng cho bà L, ông Tâm mỗi người một nửa là phù hợp. Luật sư đặt vấn đề bà T đã mất trước khi xét xử sơ thẩm và ông T có hành vi tẩu tán tài sản thì các tình tiết này chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh. Quá trình tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bà L không cung cấp chứng cứ gì mới. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của

Đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và Luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là xin ly hôn và thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết là đúng theo khoản 4 Điều 34 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã kéo dài quá thời hạn luật định. Việc xác minh, thu thập chứng cứ còn chưa đầy đủ để giải quyết toàn diện, khách quan các vấn đề của vụ án. Theo nội dung các yêu cầu của đương sự trong vụ kiện, quá trình thu thập chứng cứ và xử lý các khiếu nại của đương sự về tài sản trên đất, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được giải quyết thiếu khách quan. Cụ thể:

Việc xác minh tài sản trên đất là nhà xưởng tại thời điểm cơ quan công chứng chứng thực hợp đồng tặng cho giữa bà T với bà H, giữa ông T với bà T hoặc bà T với ông Phùng Thanh T thuộc thửa nào được tách ra từ thửa lớn ban đầu đã không được tiến hành dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba là Công ty TNHH N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét và làm rõ yếu tố này.

Đối với khiếu nại của bà L về việc bà H là người có quốc tịch Cannada nên không đủ điều kiện được đứng tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất từ bà T tặng cho nhưng án sơ thẩm đã không xác minh làm rõ, theo chứng cứ có trong hồ sơ chỉ thể hiện qua sổ Hộ khẩu gia đình là bà H đã hồi hương năm 2013 và không có xác minh tư cách chủ thể nhận QSDĐ ở thời điểm bà T ký Hợp đồng tặng cho có trực tiếp sinh sống tại Việt Nam hay không;

Việc xác minh về quá trình bà L sinh sống, ai là người trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH N vào từng thời điểm có thay đổi theo Giấy Đăng ký kinh doanh và bà L đã có thực hiện san lấp tôn tạo đất làm nhà xưởng ra sao để xem xét yêu cầu của bà H cùng phản tố của bà L đặt ra đối với công sức làm tăng giá trị QSDĐ như bà L trình bày cũng không được tiến hành đầy đủ;

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đã yêu cầu tạm dừng phiên tòa để làm rõ thêm các hoạt động thu thập chứng cứ này nhưng Hội đồng xét xử vẫn không thực hiện là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính khách quan khi giải quyết quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Sai sót này không thể khắc phục được trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2016 ông Phùng Thiện T khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Phương L với yêu cầu: chấm dứt quan hệ hôn nhân do mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, giải quyết việc nuôi con chung mà không yêu cầu

giải quyết về nợ chung và tài sản chung. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng, ông T vẫn giữ nguyên các yêu cầu này. Bà L có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung đồng thời yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phùng Thiện T với bà Lê Thị T, giữa bà Lê Thị T với bà Phùng Mỹ H.

Ngày 05/8/2016, bà Phùng Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T bà L rời khỏi thửa đất và di chuyển tài sản của DNTN N ra khỏi nhà và đất do bà đứng tên trên GCNQSDĐ thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ 100 đường L, khu phố 9, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà L đã có lời lẽ, thái độ cư xử không tốt đối với mẹ của bà.

Ngày 18/8/2016, bà Nguyễn Phương L có đơn phản tố đối với đơn khởi kiện ngày 05/8/2016 của bà Phùng Mỹ H với nội dung: yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất giữa bà Lê Thị T và bà Phan Mỹ H được Văn phòng công chứng C chứng thực ngày 17/7/2015 và hủy GCNQSDĐ bà Hòa được cấp do tài sản trên đất là nhà xưởng của Công ty TNHH N do bà L làm Giám đốc là do bà xây dựng và đang hoạt động kinh doanh nhưng các bên tặng cho không thông báo cho bà L biết trong khi bà L là người có công tôn tạo từ đất vườn thành đất ở.

Ngày 04/10/2016 bà Lan tiếp tục có đơn phản tố yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 03/9/2016 giữa ông Phùng Thiện T và bà Lê Thị T và hủy GCNQSDĐ bà T được cấp đối với thửa đất số 244, tờ bản đồ số 18 có ghi chủ bà Trường được quyền sử dụng thửa đất trên do bà Lan đã có công tôn tạo đất và bỏ chi phí nâng cấp nhà ở.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với phần giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng cho con là đúng quy định do mâu thuẫn của ông Tâm và bà Lan là trầm trọng, kéo dài và không hàn gắn được. Các con cũng đã thể hiện ý chí cá nhân và mức cấp dưỡng đã tuyên là phù hợp.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Xét cả 02 yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không liên quan đến yêu cầu ban đầu của nguyên đơn do ông T không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ liên quan đến mối quan hệ chung giữa một phía là ông T và bà L và một phía là bà H. Thế nhưng cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu của bà H và bà L và đến khi phán quyết lại phân chia giá trị nhà xưởng cho ông T và bà L với nội dung “ *ông Tâm hoàn lại 50% giá trị nhà xưởng cho bà L và bà L phải di dời công ty TNHH N ra khỏi đất do bà H đứng tên trong GCN, riêng ông T có quyền sử dụng tiếp đến khi nào bà H yêu cầu dời đi*” là chủ quan và tùy tiện, mâu thuẫn với đánh giá chứng cứ và phán quyết định của bản án ở chỗ: không thừa nhận tài sản trên đất thuộc về bà L ông T và có sự hiện diện của công ty TNHH N đang hoạt động tại thời điểm bà T ký Hợp

đồng tặng cho đất cho bà H để bác yêu cầu phản tố của bà L nhưng một mặt lại chấp nhận chia giá trị tài sản trên đất cho bà L được hưởng 50% giá trị và người phải thanh toán là ông T.

Bà L chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu phản tố đối với giá trị tài sản là nhà xưởng trên đất của bà H - nhận thấy án sơ thẩm tuyên buộc ông T hoàn trả cho bà L 50% giá trị nhà xưởng theo kết quả thẩm định và ông T được tiếp tục sử dụng các tài sản chung trong khi phía ông T không có yêu cầu về vấn đề này và bà L yêu cầu bà H tính toán giá trị nhà xưởng để hoàn trả cho bà chứ không phải yêu cầu nghĩa vụ của ông T. Nên việc tuyên xử là không phản ánh đúng theo ý chí của đương sự, có mâu thuẫn với việc bác yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho QSDĐ và tài sản trên đất vì án sơ thẩm nhận định nhà xưởng là tài sản riêng của bà T nên bà được quyền tặng cho bất cứ ai mà không phải thông qua người đang sử dụng tài sản trên đất nhưng ở yêu cầu độc lập này của bà H án sơ thẩm lại chấp nhận chia tài sản chung giữa ông T và bà L và ông T phải hoàn trả 50% chi phí xây dựng nhà xưởng cho bà L. Như vậy, giữa việc đánh giá chứng cứ và nhận định của án sơ thẩm so với quyết định là có mâu thuẫn, không tách bạch giữa việc chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà L với việc bác yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho giữa bà T với bà H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên đồng thời cũng mâu thuẫn với chính yêu cầu độc lập của bà H.

Ngoài ra, đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Tr cho ông Phùng Thiện T, Phùng Thanh T, bà Phùng Mỹ H và ông Phùng Thiện T tặng cho trở lại cho bà Trường thì vẫn chưa xem xét tại thời điểm tiến hành thủ tục tặng cho này có tài sản trên đất liên quan đến quyền lợi của bên thứ ba hay không để đánh giá tính hợp pháp của các hợp đồng tặng cho và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà này.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà H đòi vợ chồng ông T, bà L trả lại nhà đất và di dời hoạt động của Công ty TNHH N, khẳng định nhà đất thuộc quyền của bà nhưng án sơ thẩm vẫn tuyên buộc ông T có nghĩa vụ hoàn trả 50% giá trị tài sản trên đất cho bà L như phân tích trên là không hợp lý về mặt chủ thể có nghĩa vụ hoàn trả.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Theo đơn kháng cáo, bà L yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nội dung phản tố và yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình xác minh, thu thập và đánh giá chứng cứ ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện không đầy đủ, xác định và giải quyết các yêu cầu không đúng theo quy định của pháp luật nên không đảm bảo cho việc giải quyết khách quan và toàn diện các vấn đề trong vụ án – cụ thể là yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mâu thuẫn trong đánh giá chứng cứ và đường lối giải quyết. Sai sót này là nghiêm trọng và không thể khắc phục được trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo, hủy một phần bản án sơ thẩm.

Khi giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác minh thêm về tình trạng của bà T, bà H còn quốc tịch Việt Nam hay không, bà T còn sống hay đã chết để đảm bảo về thành phần người tham gia tố tụng cũng như điều kiện để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có liên quan đến quá trình thi hành án về sau.

Về án phí: người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Phương L, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phùng Mỹ H.

Áp dụng: Điều 26, 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166, 457, 459, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Luật Đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về giải quyết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn với bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Thiện T và bà Nguyễn Phương L.

Về con chung: giao cho bà L nuôi con chung Phùng Minh M2, sinh ngày 10/3/2004 và Phùng Quang M1, sinh ngày 11/6/2008. Phùng Quang M, sinh ngày 21/9/2001 đã trưởng thành, hiện sống với bà L.

Ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là M và M1 mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động được. Ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Phùng Quang M mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời gian 02 năm. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với quyết định giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Mỹ H.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ông T và bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chưa ai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Phương L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001184 ngày 04-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TpHCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VT,(HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn Nguyễn Đắc Minh

Nguyễn Thị Thụy Vũ